

TCTY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP XI MĂNG
VICEM HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1010**/XMHM-TCKT

V/v công bố thông tin báo
cáo tài chính năm 2017

Hoàng Mai, ngày **28** tháng **3** năm 2018

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai
2. Mã chứng khoán: HOM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An
4. Điện thoại: (02383) 866 170 Fax: (02383) 866 648
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đậu Thị Nga – Kế toán trưởng
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 20/03/2018 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch trên 10% LNTT so với năm 2016)



**GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017
SO VỚI NĂM 2016**

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2017

Của Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 20 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01a - DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm(Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		501.620.898.869	570.280.760.700
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	54.720.698.092	97.378.206.645
111	1. Tiền		54.720.698.092	64.378.206.645
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	33.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	71.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	71.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		189.452.404.283	193.860.051.030
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	188.029.903.127	185.077.025.879
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		923.423.642	11.046.100.824
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	7.787.395.413	2.871.770.219
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(7.288.317.899)	(5.134.845.892)
140	IV. Hàng tồn kho	8	249.533.311.609	201.807.468.221
141	1. Hàng tồn kho		250.817.657.592	203.133.535.244
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.284.345.983)	(1.326.067.023)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.914.484.885	6.235.034.804
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	7.914.484.885	3.222.270.775
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	3.012.764.029
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.142.169.934.393	1.184.005.838.646
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.061.401.801	974.383.235
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	1.061.401.801	974.383.235
220	II. Tài sản cố định		890.992.369.180	969.016.336.613
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	890.303.225.015	968.047.061.042
222	Nguyên giá		2.889.933.974.172	2.835.179.808.140
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.999.630.749.157)	(1.867.132.747.098)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	689.144.165	969.275.571
228	Nguyên giá		2.168.923.370	2.168.923.370
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.479.779.205)	(1.199.647.799)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		47.612.215.804	39.592.835.321
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	47.612.215.804	39.592.835.321
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		12.000.000.000	-
255	1. Các khoản đầu tư tài chính	13	12.000.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		190.503.947.608	174.422.283.477
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	63.557.137.918	46.393.743.698
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	8	126.946.809.690	128.028.539.779
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.643.790.833.262	1.754.286.599.346

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01a - DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		722.514.619.405	792.689.109.802
310	I. Nợ ngắn hạn		688.554.690.256	759.051.146.074
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	228.417.096.097	200.859.218.327
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	10.994.372.995	8.605.999.285
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	17.145.923.323	23.506.341.270
314	4. Phải trả người lao động		26.836.633.520	39.341.839.410
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	14.966.512.785	14.740.770.953
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	17.735.858.698	21.871.186.780
320	7. Vay ngắn hạn	18	359.154.048.695	441.366.293.736
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	19	13.304.244.143	8.759.496.313
330	II. Nợ dài hạn		33.959.929.149	33.637.963.728
338	1. Vay dài hạn	18	-	4.183.617.870
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.3	32.898.527.348	28.785.534.457
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		1.061.401.801	668.811.401
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		921.276.213.857	961.597.489.544
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	921.276.213.857	961.597.489.544
411	1. Vốn cổ phần		720.000.000.000	720.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		720.000.000.000	720.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		19.138.086.811	19.138.086.811
415	3. Cổ phiếu quỹ		(28.199.462.462)	(28.199.462.462)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		208.210.192.057	196.822.894.943
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.127.397.451	53.835.970.252
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		522.233.138	1.274.681.333
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.605.164.313	52.561.288.919
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.643.790.833.262	1.754.286.599.346

29295
 TY C
 VICI
 i MA
 -T.NG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến ngày 31/12/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng	21.1	1.421.717.662.995	1.581.420.392.526
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	21.1	1.421.717.662.995	1.581.420.392.526
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(1.232.079.538.789)	(1.322.327.238.542)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		189.638.124.206	259.093.153.984
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	851.081.537	3.427.571.336
22	7. Chi phí tài chính	23	(24.858.680.911)	(26.024.851.128)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(24.774.359.777)	(25.882.065.474)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(78.649.401.032)	(84.854.311.027)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(82.793.099.238)	(94.180.488.335)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.188.024.562	57.461.074.830
31	11. Thu nhập khác	25	2.207.406.590	4.148.482.516
32	12. Chi phí khác	25	(288.317.324)	(498.569.343)
40	13. Lợi nhuận khác	25	1.919.089.266	3.649.913.173
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.107.113.828	61.110.988.003
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(388.956.624)	(4.425.433.122)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.3	(4.112.992.891)	(4.124.265.962)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.605.164.313	52.561.288.919
70	18. Lãi trên cổ phiếu	29		
	- Lãi cơ bản		23	554
	- Lãi suy giảm		23	554

P
M
I
E AN

28

B. GIẢI TRÌNH

Theo thông tin công bố, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2017 của Công ty đạt 1.421 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế năm 2017 của Công ty lãi 6,1 tỷ đồng, giảm 55 tỷ đồng so với thực hiện năm 2016 (LNTT năm 2016 là 61,1 tỷ đồng) tương ứng với giảm 90%, chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Tại địa bàn tiêu thụ chính của Vicem Hoàng Mai tính đến cuối năm 2016, đầu năm 2017 có thêm 04 dây chuyền mới đi vào hoạt động nâng nguồn cung clinker, xi măng thêm 12,6 triệu tấn/năm: Vissai Sông Lam 4,6 triệu tấn/năm, Công Thanh 6 triệu tấn/năm, Long Sơn 2 triệu tấn/năm. Điều này khiến cho thị trường xi măng tiếp tục “cung” vượt quá “cầu” nên cạnh tranh càng quyết liệt hơn:

+ Sản lượng xi măng tiêu thụ sản xuất tại nhà máy (không bao gồm gia công cho các đơn vị khác) giảm 113 ngàn tấn (năm 2017=1.350 ngàn tấn, thực hiện năm 2016=1.463 ngàn tấn) làm cho lợi nhuận giảm 11,7 tỷ đồng.

+ Tiêu thụ Clinker năm 2017 =198 ngàn tấn; thực hiện năm 2016=201 ngàn tấn, sản lượng tiêu thụ là tương đương tuy nhiên do thị trường cạnh tranh khốc liệt, giá bán clinker bình quân là 522.000 tấn (chưa VAT) giảm 55.000 đồng/tấn so với năm 2016 làm lợi nhuận năm 2017 giảm 10,8 tỷ đồng.

+ Giá bán xi măng thu về giảm so với thực hiện năm 2016 bình quân 27.000 đồng/tấn làm lợi nhuận giảm 20,7 tỷ đồng.

- Sản lượng xi măng sản xuất tại nhà máy giảm 108 ngàn tấn (năm 2017=1.358 ngàn tấn, thực hiện năm 2016=1.466 ngàn tấn) làm lợi nhuận giảm 5,6 tỷ đồng.

- Giá than bình quân tăng 10 đồng/kcal, giá thành sản xuất Clinker tăng, lợi nhuận giảm 11,2 tỷ đồng;

- Đơn giá tính thuế tài nguyên khoáng sản đá vôi, đá sét tăng theo Thông tư 44/TT-BTC kể từ ngày 01/07/2017 làm cho lợi nhuận năm 2017 giảm 3,8 tỷ đồng.

Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết và công bố thông tin theo quy định.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.ximanghoangmai.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD (đề b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đậu Thị Nga